

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 10 /2014/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 02 tháng 6 năm 2014

NG VẤN ĐẾN
2775
3 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với
nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 66/TTr-STC ngày 26 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:



1. Về lượng nước sạch tiêu thụ làm cơ sở để thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (trong trường hợp người nộp phí tự khai thác nước để sử dụng hoặc chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ):

a) Đối với hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng thì số lượng nước sạch sử dụng được tính theo định mức khoán 4 m³/nhân khẩu/tháng.

b) Đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân); trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến tự khai thác nước để sử dụng thì số lượng nước sạch sử dụng được tính theo định mức khoán 1 m³/người/tháng.

c) Đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng thì số lượng nước sạch sử dụng được xác định căn cứ vào quy mô hoạt động kinh doanh, dịch vụ do cơ sở tự kê khai và thẩm định của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Trường hợp tự khai thác nước thì số lượng nước sạch sử dụng được xác định căn cứ vào số người theo sổ hộ khẩu gia đình (đối với hộ gia đình) hoặc bảng chấm công, bảng lương, hợp đồng lao động (đối với tổ chức không sản xuất, chế biến) và lượng nước sạch sử dụng bình quân theo đầu người trong xã, phường, thị trấn trên cơ sở mức khoán quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

e) Trường hợp người nộp phí chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ thì số lượng nước sạch tiêu thụ được xác định theo thỏa thuận của đơn vị cấp nước sạch với người sử dụng nước sạch.

2. Giá nước sạch để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng theo biểu giá nước sạch sinh hoạt theo từng địa bàn do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ mục III, mục IV Điều 1 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Các nội dung có liên quan về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: TC, TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, các Hội đặc thù thuộc UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Công báo Đắk Nông;
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH, QTTV, KTTC (Tr). *lue*

85

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn



